TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HÒA THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 24/2023/DS-ST Ngày: 12/4/2023 V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thùy Trang**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Huỳnh Hải Đăng**.

2. Ông **Bùi Dân An**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hoàng Kim Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành tham gia phiên tòa: Ông **Phan Thanh Nhã** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 238/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2023/QĐST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng A**; Địa chỉ trụ sở: 201-203, đường Cách mạng tháng 8, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Quốc Toàn** – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản - Ngân hàng A (Công ty AMC Nam Á Bank).

Đại diện theo ủy quyền lại: Ông **Hoàng Trọng Trường** - Chức vụ: Tổng giám đốc công ty AMC; ông **Nguyễn Minh Dương,** sinh năm 1998 - Chuyên viên xử lý nợ; Địa chỉ: Lầu 6, 11-11A-13, An Dương Vương, phường 8, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông **TVP**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số nhà A12/9B, khu phố A, phường B, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Minh Dương trình bày:***

Ngày 24/07/2017, ông TVP đã ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm phương án vay vốn, hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử sụng thẻ số 0274/2017/907-CV (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A – các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng tín dụng) với Ngân hàng A. Ngân hàng A đã cấp cho ông TVP 02 thẻ tín dụng:

Tài khoản số: 690703728310001; ngày cấp: 28/8/2017; lại thẻ: MC EMV Standard Credit (Credit quốc tế); hạn mức thẻ: 20.000.000 *(Hai mươi triệu* đồng); lãi suất, phí: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A, lãi suất trong hạn là 27%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 40,5%/năm. Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông TVP đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 20.500.000 đồng. Ông TVP đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 20.892.000 đồng, số tiền này được trừ vào tiền gốc giao dịch là 9.066.691 đồng và các loại tiền phí, tiền lãi, phạt chậm trả là 11.825.309 đồng.

Tài khoản số: 390703728310002; ; ngày cấp: 28/8/2017; lại thẻ: LC MAG Standard Credit (Credit nội địa); hạn mức thẻ: 20.000.000 *(Hai mươi triệu* đồng); lãi suất, phí: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A, lãi suất trong hạn là 30%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 45%/năm. Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông TVP đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 12.400.000 đồng.

Ông TVP đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 8.484.000 đồng, số tiền này được trừ vào tiền gốc giao dịch là 3.910.130 đồng và các loại tiền phí, tiền lãi, phạt chậm trả là 4.573.870 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông TVP đã không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng theo Thông báo giao dịch hàng tháng. Do đó, ngày 24/4/2021, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản nợ thẻ tín dụng của ông TVP sang nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ trước hạn.

Số tiền ông TVP còn nợ thẻ tín dụng tại Ngân hàng A tạm tính đến ngày 12/4/2023 là:

Thẻ tín dụng số tài sản 690703728310001: Tổng nợ gốc: 11.825.309 đồng; Tổng nợ lãi: 12.319.024 đồng; Tổng cộng: 24.144.333 đồng.

Thẻ tín dụng số tài sản 390703728310002: Tổng nợ gốc: 8.489.870 đồng; Tổng nợ lãi: 9.975.791 đồng; Tổng cộng: 18.465.661 đồng.

Tổng số tiền ông TVP còn nợ thẻ tín dụng tại Ngân hàng A tạm tính đến ngày 12/4/2023 là: 42.609.994 đồng.

Nay Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu ông P phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 12/4/2023 là 42.609.994 đồng, trong đó dư nợ gốc là 20.315.179 đồng, lãi quá hạn là 22.294.815 đồng và lãi suất phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận theo hợp đồng đã ký kết.

**** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – ông TVP đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông không đến Tòa án làm việc, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa.***

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:***

Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Điều 91, 95 của Luật Các Tổ chức tín dụng; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A, buộc ông P phải thanh toán nợ cho Ngân hàng là nợ gốc là 20.315.179 đồng, lãi quá hạn là 22.294.815 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết giữa các bên; xác định nghĩa vụ chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Minh Dương có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn ông TVP vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các bên đương sự là có căn cứ theo quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đã được ký kết ngày 24/07/2017 giữa ông TVP với Ngân hàng TMCP Nam đã có cơ sở xác định ông P có sử dụng dịch vụ thẻ tín dụng số: 690703728310001; hạn mức thẻ: 20.000.000 *(Hai mươi triệu* đồng); lãi suất, phí: Lãi suất trong hạn là 27%/năm, Lãi suất nợ quá hạn là 40,5%/năm; Thẻ tín dụng 390703728310002; hạn mức thẻ: 20.000.000 *(Hai mươi triệu* đồng); lãi suất, phí: Lãi suất trong hạn là 30%/năm, Lãi suất nợ quá hạn là 45%/năm. Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng

thẻ để thanh toán các giao dịch, đến ngày 24/4/2021 ông P còn nợ số tiền gốc là 20.315.179 đồng. Do anh Phong không thanh toán số tiền trên đúng theo điều khoản hợp đồng đã được ký kết nên đã vi phạm nghĩa vụ và xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông P có trách nhiệm trả tiền nợ gốc 20.315.179 đồng, tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 12/4/2023 là 22.294.815 đồng, tổng cộng là 42.609.994 đồng và lãi suất phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận theo hợp đồng đã ký kết là phù hợp nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Phong phải chịu án phí là 2.130.000 đồng.

[4] Các đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 466 của Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đối với ông TVP.

Ông TVP có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Nam số tiền gốc 20.315.179 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 12/4/2023 là 22.294.815 đồng, tổng cộng là 42.609.994 đồng (Bốn mươi hai triệu sáu trăm lẻ chín nghìn chín trăm chín mươi bốn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, nếu ông P chưa thanh toán số tiền nêu trên thì ông P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo điều khoản hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông TVP phải chịu 2.130.000 đồng (Hai triệu một trăm ba mươi nghìn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 856.000 đồng (tám trăm năm mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu số 0021108 ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- Chi cục THADS thị xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

Phan Thùy Trang